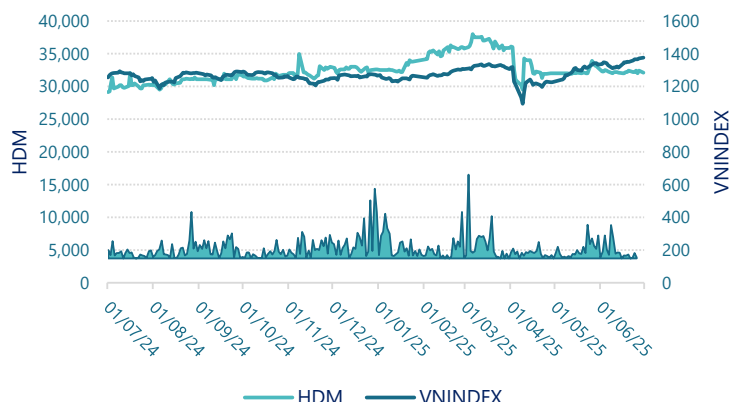


CTCP Dệt May Huế (UPCOM: HDM)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	32,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	38,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	29,134
SL cổ phiếu LH	20,096,259
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,970
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	645
P/E	4.5
EPS	7,068

DT thuần

Q2/25

601

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 99.0 | 19.7%

YoY: ▲ 142 | 30.9%

LN sau thuế

Q2/25

53.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 22.4 | 71.7%

YoY: ▲ 23.8 | 79.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

11.6%

+/- YoY: ▲ 2.7%

DT thuần

6T 2025

1,103

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 162 | 17.3%

LN sau thuế

6T 2025

84.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 32.7 | 63.0%

ROE

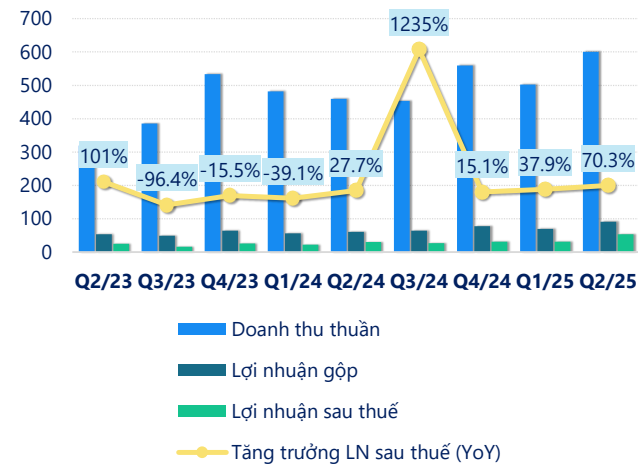
Q2/25

32.3%

+/- YoY: ▲ 8.2%

tỷ VNĐ

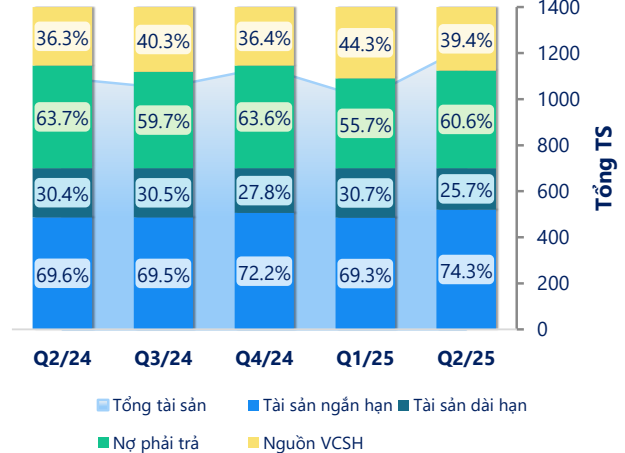
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

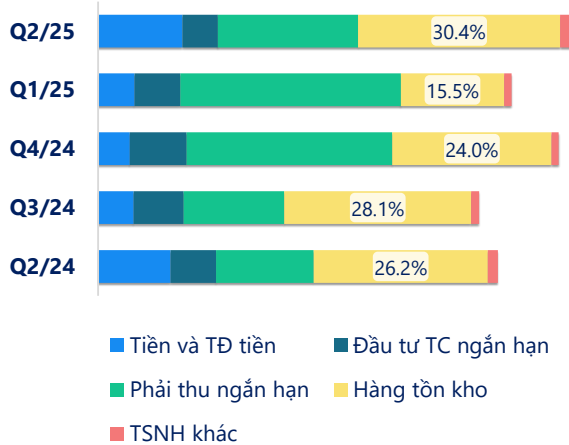
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



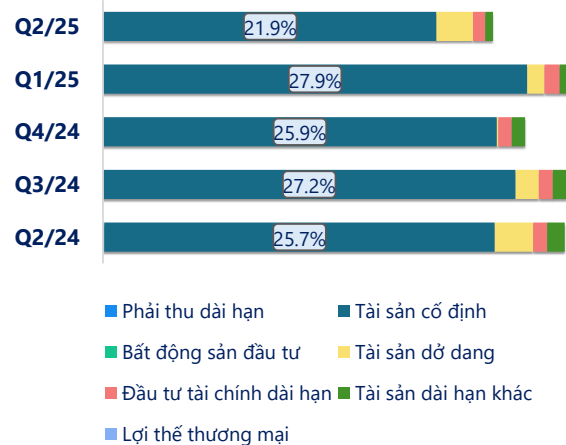
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

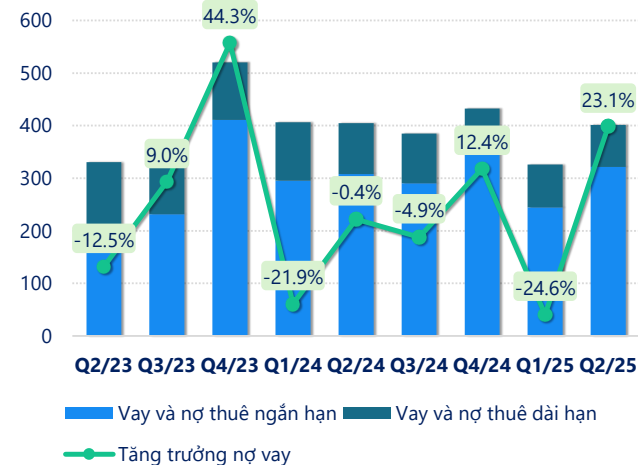
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

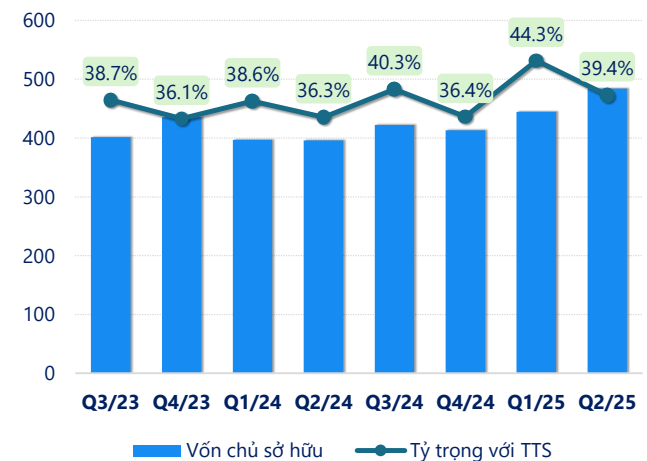
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

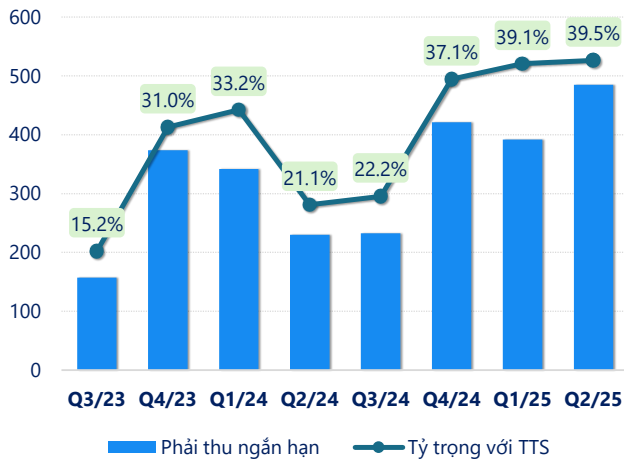
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



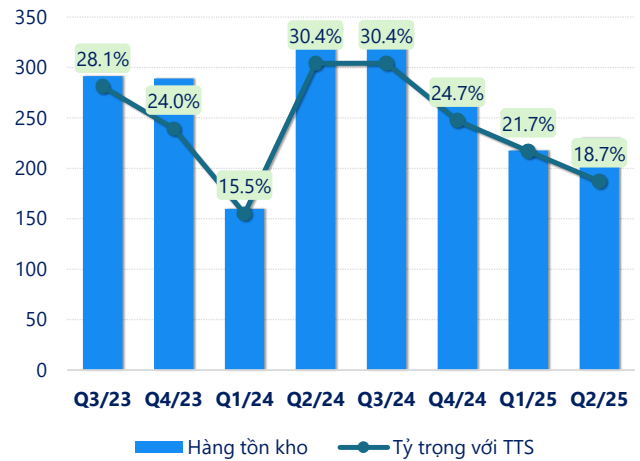
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


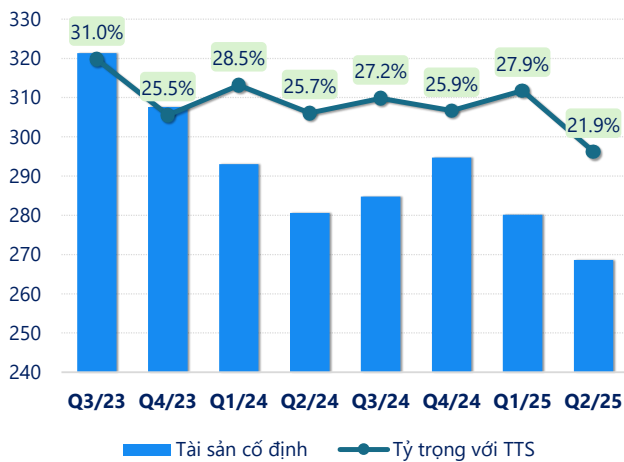
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


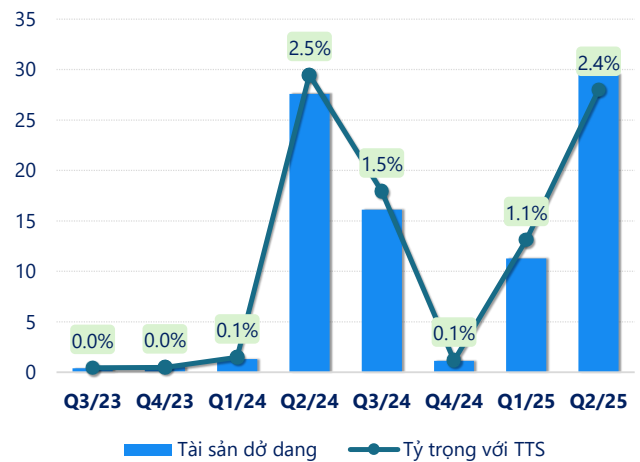
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

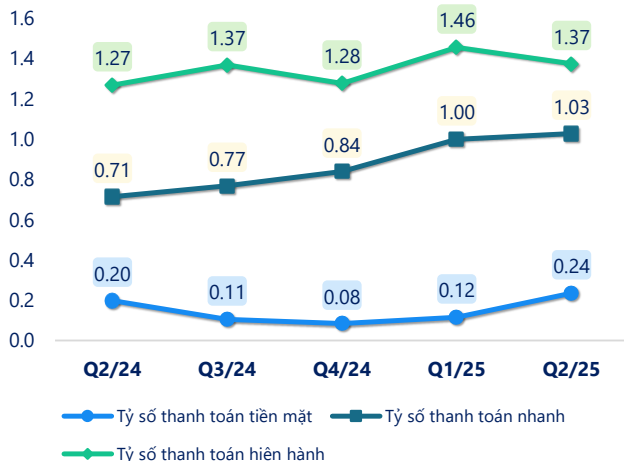
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

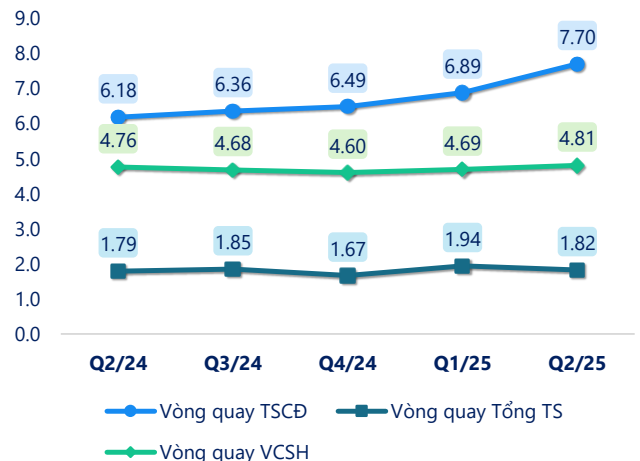
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	1,091	1,049	1,137	1,003	1,228
Tài sản ngắn hạn	760	729	821	695	913
Tiền và tương đương tiền	119	55.9	54.1	55.0	156
Đầu tư tài chính ngắn hạn	58.0	90.0	54.0	12.0	12.0
Phải thu ngắn hạn	230	232	421	392	485
Hàng tồn kho	332	319	281	218	230
Tài sản ngắn hạn khác	20.7	31.2	10.0	18.5	29.9
Tài sản dài hạn	332	320	316	308	315
Phải thu dài hạn	0.92	0	0	0	0.92
Tài sản cố định	281	285	295	280	269
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	27.6	16.1	1.14	11.3	29.5
Đầu tư tài chính dài hạn	9.98	9.67	10.0	10.0	10.0
Tài sản dài hạn khác	12.7	9.61	9.96	6.86	6.11
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	695	627	723	559	744
Nợ ngắn hạn	599	532	643	477	664
Vay và nợ thuê ngắn hạn	308	290	351	245	322
Phải trả người bán ngắn hạn	110	78.2	56.6	74.0	122
Nợ dài hạn	96.5	94.2	80.9	81.5	79.8
Vay và nợ thuê dài hạn	96.5	94.2	80.9	81.5	79.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	396	422	413	444	484
Vốn chủ sở hữu	396	422	413	444	484
Vốn điều lệ	201	201	201	201	201
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)